

Khung pháp lý cho nền kinh tế xanh: Hướng đến giảm thiểu khí thải carbon

Võ Minh Tùng *

Bệnh viện Nguyễn Trãi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TỪ KHÓA

Kinh tế xanh,
Bền vững,
Giảm phát thải carbon,
Môi trường xanh,
Cạnh tranh xanh.

TÓM TẮT

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Việt Nam đã chứng kiến sự tương quan chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế, thể hiện qua GDP, và lượng khí thải carbon (CO_2), đặt ra nhiều thách thức lẫn cơ hội trong hành trình hướng đến phát triển bền vững. Dù kinh tế Việt Nam đạt được những bước tăng trưởng ấn tượng, câu hỏi về mặt trái của tăng trưởng - lượng khí thải CO_2 tăng cao - cũng được quan tâm một cách nghiêm túc. Thực trạng phát triển kinh tế xanh trong khoảng thời gian này phản ánh nỗ lực của Việt Nam trong việc cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Dù vậy, việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh vẫn đối mặt với nhiều thách thức, từ cơ sở hạ tầng, công nghệ cho đến nhận thức của người dân và doanh nghiệp.

Khí thải carbon ở Việt Nam trong giai đoạn này cũng ghi nhận sự gia tăng đáng kể, phản ánh lối sống và mô hình phát triển chưa thực sự bền vững. Việc này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc triển khai các giải pháp giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời phát triển kinh tế một cách bền vững. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xanh và khí thải carbon cho thấy, việc chuyển đổi sang một mô hình kinh tế xanh không chỉ giảm thiểu được lượng khí thải, mà còn mang lại lợi ích kinh tế dài hạn thông qua việc tiết kiệm năng lượng, giảm chi phí sản xuất và tăng cạnh tranh. Để thúc đẩy phát triển kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon ở Việt Nam, cần phải có sự kết hợp giữa các giải pháp từ chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng. Các giải pháp bao gồm: tăng cường sử dụng năng lượng sạch, phát triển công nghệ xanh, cải thiện hiệu quả năng lượng, và nâng cao nhận thức về môi trường. Việc này đòi hỏi một chiến lược mạnh mẽ và đồng bộ từ tất cả các bên liên quan để tạo ra một tương lai xanh và bền vững cho Việt Nam.

* Tác giả liên hệ. Email: vominhtung.vn@gmail.com

<https://doi.org/10.61602/jdi.2024.77.12>

Ngày nhận: 06/6/2024; Ngày chỉnh sửa: 01/7/2024; Duyệt đăng: 25/7/2024; Ngày online: 12/8/2024
ISSN (print): 1859-428X, ISSN (online): 2815-6234

1. Tổng quan

Trong thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ trong nhận thức và hành động về biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, “Kinh tế xanh” và việc giảm khí thải carbon đã trở thành các chủ đề nóng bỏng, không chỉ trong các diễn đàn môi trường mà cả trong phát triển kinh tế toàn cầu. Điều này bắt nguồn từ hiểu biết rằng khả năng tiếp tục phát triển kinh tế và nhu cầu bảo vệ môi trường không chỉ đồng hành mà còn hỗ trợ lẫn nhau. Kinh tế xanh được hiểu là phát triển kinh tế không chỉ dựa trên lợi nhuận mà còn phải đảm bảo tính bền vững, giảm thiểu sự cạn kiệt tài nguyên tự nhiên và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Một điểm mấu chốt của kinh tế xanh là việc chuyển đổi hệ thống sản xuất và tiêu dùng hiện nay sang mô hình ít phát thải carbon hơn. Mục tiêu này không chỉ giúp giảm bớt các tác động tiêu cực đến môi trường mà còn mở ra cơ hội cho sự phát triển kinh tế thông qua việc tạo ra công nghệ mới và việc làm.

Sự tăng trưởng của kinh tế xanh được thúc đẩy bởi ý thức ngày càng cao về những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, cũng như sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai. Theo Báo cáo Phát triển Con người của Liên Hợp Quốc (2019), việc chuyển đổi sang một kinh tế xanh giúp giảm thiểu rủi ro thảm họa liên quan đến khí hậu, tăng cường an ninh năng lượng và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Một trong những cách tiếp cận hiệu quả nhất để đạt được mục tiêu của kinh tế xanh là thông qua giảm phát thải khí carbon. Việc giảm phát thải không chỉ giúp chống lại biến đổi khí hậu mà còn cung cấp một lớp bảo vệ cho sức khỏe con người. Ví dụ, các nguồn năng lượng tái tạo như gió và mặt trời không chỉ giảm thiểu ô nhiễm mà còn tạo ra ít khí nhà kính hơn so với các nguồn năng lượng truyền thống như than và dầu mỏ. Một báo cáo của Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí Hậu (IPCC) từ năm 2020 chỉ rõ, việc giảm phát thải khí carbon đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. IPCC khuyến nghị rằng, để giữ mức tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức dưới 1,5 °C, cần phải giảm phát thải khí nhà kính toàn cầu 45% vào năm 2030 so với mức của năm 2010 và đạt tới “sự cân bằng net-zero” vào năm 2050.

Tóm lại, kinh tế xanh và giảm phát thải carbon không chỉ là một yêu cầu môi trường mà còn là cơ hội phát triển kinh tế. Qua việc giảm phát thải và thúc đẩy sự phát triển của năng lượng tái tạo, các quốc gia tạo ra một môi trường sống lành mạnh hơn cho công dân của mình, cũng như mở ra cơ hội kinh doanh mới và

tạo việc làm trong các lĩnh vực bền vững. Đây là một quá trình cần sự tham gia của tất cả mọi người: chính phủ, doanh nghiệp, cộng đồng và cá nhân, và đòi hỏi một lộ trình rõ ràng, cùng với các chính sách và biện pháp hỗ trợ hợp lý để đạt được thành công.

2. Phương pháp nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng cả hai phương pháp định lượng và định tính nhằm đạt được cái nhìn toàn diện về Kinh tế xanh - Khí thải carbon. Phương pháp định lượng giúp phân tích dữ liệu số liệu, thống kê về mức độ phát thải carbon trong các hoạt động kinh tế cụ thể, từ đó giúp đánh giá hiệu quả của các biện pháp giảm thiểu khí thải.

Phân tích định tính: Để hiểu sâu hơn về thái độ và hành vi của các doanh nghiệp đối với việc giảm thiểu khí thải carbon, cuộc phỏng vấn chuyên sâu được thực hiện với một số nhà quản lý doanh nghiệp trong ngành công nghiệp nặng. Các câu hỏi tập trung vào cách thức họ giảm thiểu lượng khí thải, chiến lược bền vững của họ như thế nào, và những thách thức họ gặp phải trong quá trình này. Từ đó, nghiên cứu sẽ thực hiện phân tích nội dung từ các cuộc phỏng vấn sẽ giúp phát hiện ra các chủ đề chính, như: các chiến lược giảm thiểu phát thải phổ biến; nhận thức và thái độ của lãnh đạo doanh nghiệp đối với vấn đề kinh tế xanh; và rào cản đối với thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí thải.

Phân tích định lượng: Nghiên cứu mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế (GDP) và lượng khí thải carbon (CO₂) của tại Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023 với công thức hồi quy

$$CO_2 = \beta_0 + \beta_1 \times GDP + \delta$$

Trong đó: CO₂ là lượng khí thải carbon hàng năm; GDP là Tổng sản phẩm quốc nội hàng năm. β_0 , β_1 là các hệ số hồi quy cần ước lượng và δ là sai số ngẫu nhiên.

Phân tích cho thấy liệu có mối quan hệ đáng kể nào giữa GDP và lượng phát thải CO₂, và nếu có, quan hệ này là tích cực hay tiêu cực. Từ đó giúp nhà quản trị nâng cao nền kinh tế xanh, giảm thiểu khí thải carbon và giúp cho phát triển bền vững kinh tế xanh.

Về mặt dữ liệu, tác giả thu thập từ các nguồn uy tín như cơ sở dữ liệu của Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA), Báo cáo Khí hậu Thế giới (WMO), và Tổng cục Thống kê của Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023.

3. Kết quả và thảo luận

Bảng 1. Tốc độ tăng trưởng lượng phát thải carbon hằng năm

Chỉ tiêu	Năm					
	2018	2019	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng GDP hằng năm (%)	7,08	7,02	2,91	2,58	8,02	5,05
Lượng phát thải CO ₂ hằng năm (nghìn tấn)	257,86	215,41	225,58	262,91	227	250,54
Tăng trưởng lượng phát thải CO ₂ hằng năm (%)	16,09	4,7	16,5	-13,7	10,4	-100,0

Nguồn: Tổng cục Thống kê của Việt Nam

3.1. Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế (GDP) và lượng khí thải carbon (CO₂) của tại Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023

Theo Tổng cục Thống kê của Việt Nam, giai đoạn 2018 – 2023, GDP của Việt Nam tăng trưởng khá cao, liên tục và ổn định. Việt Nam được đánh giá là một trong những nước có nền kinh tế phát triển nhanh nhất trong khu vực Đông Nam Á với tốc độ tăng trưởng trung bình 5,85% trong giai đoạn 2018 – 2023. Tuy nhiên, tăng trưởng ở Việt Nam cũng là nguyên nhân dẫn đến lượng phát thải CO₂ tăng cao. Lượng phát thải carbon ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 – 2023 có xu hướng tăng đều qua các năm, trong đó tăng mạnh vào năm 2018 và 2019, tương ứng 7,08 % và 7,02% so với năm trước đó.

Việt Nam đã đề xuất nhiều chương trình và kế hoạch để phát triển kinh tế xanh, nhưng vẫn đang gặp phải một số hạn chế trong việc thực hiện, dẫn đến việc không đạt được các mục tiêu mong muốn.

Sự nhận thức về kinh tế xanh ở Việt Nam vẫn còn đang phát triển và chưa rõ ràng, cần phải tiếp tục nghiên cứu và lan truyền kiến thức trong cộng đồng, từ lãnh đạo đến doanh nghiệp và dân cư. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến cuối năm 2018, chỉ có 7 bộ/ngành và 34/63 tỉnh/thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh. Sự cụ thể hóa chiến lược tăng trưởng xanh còn chưa được ưu tiên và thực hiện một cách đồng đều ở các bộ, ngành và địa phương. Kết quả cuộc phỏng vấn ông N.V. Thanh – cán bộ quản lý doanh nghiệp trong ngành công nghiệp nặng thuộc Công ty Hạng Hải về *doanh nghiệp của ông/bà hiện đang thực hiện những biện pháp gì để giảm thiểu lượng khí thải trong quá trình sản xuất?* cho biết: “Chúng tôi đã áp dụng nhiều biện pháp để giảm thiểu khí thải. Chúng tôi đầu tư vào công nghệ sản xuất sạch hơn, sử dụng các hệ thống lọc và thu hồi khí thải hiệu quả. Chúng tôi cũng thực hiện các quy trình kiểm soát và giám sát chặt chẽ để đảm bảo rằng các mức khí thải luôn nằm trong giới hạn cho phép.”. Cũng cùng với ý kiến trên, ông M.V. Đạt –

Phó giám đốc Công ty SX&TM Thanh Tùng cũng cho biết: “*Chiến lược bền vững của chúng tôi tập trung vào việc phát triển các sản phẩm và quy trình sản xuất thân thiện với môi trường. Mục tiêu của chúng tôi là giảm thiểu tối đa lượng khí thải và chất thải trong mọi khâu sản xuất, đồng thời tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo*”.

Như vậy, có thể thấy trong giai đoạn từ 2018 đến 2023, mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và lượng khí thải carbon tại Việt Nam đã đặt ra nhiều thách thức. Dù có những cải thiện, nhưng vẫn cần sự cân nhắc cân trọng để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Theo đó, TS Nguyễn Quốc Việt nhấn mạnh: “*Những giải pháp, lộ trình thực hiện sản xuất xanh, giảm khí thải cần được cân nhắc kỹ theo từng ngành sản xuất để DN có thể thực hiện được bởi không thể vội vàng hay xanh hóa ngay lập tức trong bối cảnh DN còn đối diện nhiều khó khăn*”.

3.2. Thực trạng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023

Kinh tế xanh đang trở thành một trong những chủ đề nóng trên toàn cầu, phản ánh xu hướng của thế giới trong việc tìm kiếm sự phát triển bền vững, hài hòa với môi trường. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 79 Thông tư số 40/2014/TT-BCT của Bộ Công Thương ngày 5/11/2014 quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia “*năng lượng tái tạo bao gồm: năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng thủy triều, năng lượng địa nhiệt, năng lượng sinh khối, năng lượng khí sinh học*”. Hơn nữa, quy định tại Khoản 11 Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có quy định “*Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội*.”. Như vậy, không chỉ thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc đối phó với biến đổi khí hậu mà còn mở ra cơ hội phát triển mới, tăng cường năng lực cạnh tranh quốc gia trên thị trường

quốc tế. Kinh tế xanh không chỉ là một lựa chọn mà đã trở thành một yêu cầu cấp bách, đòi hỏi sự chuyển mình mạnh mẽ từ tất cả các ngành nghề, lĩnh vực trên quy mô toàn cầu và quốc gia.

Trong giai đoạn này, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu đáng kể. Theo báo cáo từ Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB, 2021), tỷ lệ năng lượng tái tạo trong sản xuất điện của Việt Nam đã tăng từ 3.4% năm 2010 lên 15% vào năm 2020. Đáng chú ý, Việt Nam đã trở thành một trong những thị trường phát triển điện gió và điện mặt trời nhanh nhất khu vực Đông Nam Á, thể hiện cam kết mạnh mẽ của quốc gia này đối với tăng trưởng xanh (Bộ Công Thương Việt Nam, 2021). Một số dự án tiêu biểu như Dự án Điện Mặt Trời Đa Mi, với công suất 47.5 MWp, đã cung cấp lượng lớn năng lượng sạch cho mạng lưới điện quốc gia, giúp giảm phát thải khí nhà kính (Hội nghị Hợp tác phát triển ngành Công Thương - Năng lượng và Mỏ Việt Nam - Lào 2022, 2022). Bên cạnh đó, các chương trình như “Chương trình mục tiêu quốc gia về sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng” đã góp phần cải thiện đáng kể hiệu suất sử dụng năng lượng trong các ngành công nghiệp chính của Việt Nam.

Trong những năm qua, Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch hành động và văn bản chỉ đạo điều hành về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường như Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05/12/2011 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu; Quyết định số 1474/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn 2012 - 2020 nhằm hiện thực hóa các nhiệm vụ của Chiến lược; Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Quyết định số 1670/QĐ-TTg ngày 31/10/2017 phê duyệt Chương trình mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020. Tất cả những quy định trên đều thúc đẩy cho nền kinh tế xanh của Việt Nam phát triển bền vững.

Các chính sách và quy định mới liên tục được ban hành nhằm thúc đẩy sử dụng năng lượng hiệu quả, giảm phát thải và tăng cường bảo vệ môi trường. Một ví dụ điển hình là việc Việt Nam đặt mục tiêu giảm 9% lượng khí thải nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường vào năm 2030, và mục tiêu này có thể được nâng lên 27% với sự hỗ trợ quốc tế (Bộ Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam, 2021). Kết quả cuộc phỏng vấn bà H.T.T. Thúy – Giám đốc kinh

doanh Công ty Hùng Tiến cho biết: “Một trong những thách thức lớn nhất mà chúng tôi gặp phải là chi phí đầu tư ban đầu cho các công nghệ giảm thiểu khí thải. Ngoài ra, việc thay đổi quy trình sản xuất để phù hợp với các tiêu chuẩn môi trường mới cũng đòi hỏi thời gian và công sức”.

Bàn về vấn đề này, ông Nguyễn Thành Nam – giám đốc doanh nghiệp Thiên Thành cho biết: “Mặc dù có sự cam kết và nhiều dự án tích cực, Việt Nam vẫn đối mặt với một loạt thách thức trong quá trình triển khai kinh tế xanh, bao gồm hạ tầng lạc hậu, thiếu nguồn lực tài chính và công nghệ, cùng sự thiếu hiểu biết của cộng đồng. Những thách thức này không duy nhất chỉ có ở Việt Nam mà là vấn đề chung cho nhiều quốc gia đang phát triển khác, cho thấy sự cần thiết của sự hợp tác quốc tế và đầu tư mạnh mẽ hơn nữa vào công nghệ và năng lực xây dựng”. Như vậy, thông qua sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và các quốc gia phát triển, Việt Nam đã và đang cải thiện khả năng triển khai và thực hiện các mục tiêu của mình trong kinh tế xanh. Việc chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính đã góp phần không nhỏ trong các thành tựu của Việt Nam. Điều này nhấn mạnh sự quan trọng của hợp tác quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề môi trường toàn cầu và xây dựng một tương lai bền vững cho tất cả.

3.3. Thực trạng khí thải carbon ở Việt Nam giai đoạn 2018 – 2023

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu đang ngày càng trở nên nghiêm trọng, khí thải carbon (CO₂) là một trong những chỉ số được quan tâm hàng đầu liên quan đến tác động của con người lên môi trường. Ở Việt Nam, suốt giai đoạn 2018 - 2023, đã chứng kiến những diễn biến phức tạp của khí thải CO₂, vừa phản ánh mức độ tăng trưởng kinh tế, vừa thể hiện những nỗ lực trong việc giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường.

Trong thời gian tới, nếu Việt Nam có thể tận dụng được cơ hội từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để áp dụng các giải pháp thông minh trong quản lý năng lượng và giảm thiểu khí thải, cùng với việc thực thi chính sách một cách nhất quán và hiệu quả, thì tiến trình chuyển đổi sang kinh tế xanh và giảm thiểu tác động tiêu cực từ khí thải carbon không chỉ là mục tiêu xa vời. Nhìn nhận về vấn đề này, ông H.H. Tùng – Giám đốc Công ty cổ phần SX và TM công nghiệp Amos cũng khẳng định: “Rào cản lớn nhất đối với việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí thải chính

Bảng 2. Ước lượng khí thải CO₂ và sự phát triển của năng lượng tái tạo tại Việt Nam

Năm	Lượng khí thải CO ₂ (triệu tấn)	Phần trăm năng lượng tái tạo (%)
2025	303,2	3,5 %
2030	345,4	4,1 %

Nguồn: Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam, 2021

là chi phí và sự thiếu hụt nguồn lực. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, gặp khó khăn trong việc đầu tư vào các công nghệ và quy trình mới do chi phí quá cao. Ngoài ra, sự thiếu hụt thông tin và kỹ thuật cần thiết cũng là một rào cản lớn. Chúng tôi cần sự hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức liên quan để có thể vượt qua những khó khăn này”. Cũng cùng với ý quan điểm trên, ông N.V. Cương – Phó giám đốc Công ty SX&TM Thanh Tùng cũng cho biết: “Một rào cản khác mà chúng tôi gặp phải là sự phức tạp và thay đổi liên tục của các quy định môi trường. Các quy định này thường đòi hỏi nhiều thủ tục hành chính và giấy tờ, gây tốn kém thời gian và nguồn lực. Hơn nữa, việc thiếu sự nhất quán và đồng bộ trong các quy định giữa các cơ quan quản lý cũng làm tăng thêm khó khăn cho doanh nghiệp trong việc tuân thủ và thực hiện các biện pháp giảm thiểu khí thải một cách hiệu quả”.

Những nỗ lực này cần được thực hiện đồng bộ và liên tục, không chỉ qua các dự án cụ thể mà còn thông qua việc xây dựng và phát triển một văn hóa sử dụng năng lượng hiệu quả và bền vững. Việt Nam cần phải tăng cường nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý và sử dụng năng lượng, đồng thời phát triển các nguồn năng lượng mới như năng lượng tái tạo.

3.4. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xanh và khí thải carbon ở Việt Nam

Như đã phân tích ở trên, Việt Nam – một quốc gia đang phát triển nhanh chóng, đang đối mặt với thách thức lớn trong việc giảm thiểu lượng khí thải carbon (CO₂) trong khi vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế. Trong vài thập kỷ qua, Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ, nhưng song song với đó là lượng khí thải carbon tăng lên đáng kể, gây ra những lo ngại về biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường. Phát triển kinh tế xanh được xem là giải pháp hữu hiệu, hứa hẹn giảm thiểu tác động môi trường trong khi vẫn thúc đẩy tăng trưởng.

3.4.1. Tác động và thách thức

Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam mang lại nhiều lợi ích, từ việc giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đến việc tạo ra cơ hội mới trong công nghệ sạch và năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, việc chuyển đổi sang một nền kinh tế xanh cũng đối mặt với một số thách thức đáng kể. Thách thức lớn nhất có thể kể đến là nguồn vốn đầu tư ban đầu lớn cần thiết cho việc phát triển cơ sở hạ tầng, nghiên cứu và phát triển công nghệ mới. Ngoài ra, việc chuyển đổi các ngành kinh tế truyền thống sang mô hình kinh tế xanh cũng đòi hỏi sự thay đổi trong tư duy và hành vi của cả doanh nghiệp và người tiêu dùng. Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam đòi hỏi sự hợp tác giữa chính phủ, doanh nghiệp và người dân. Chính phủ cần tiếp tục hoàn thiện pháp lý, chính sách thuế và ưu đãi đầu tư để thu hút các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước vào lĩnh vực năng lượng sạch, công nghệ xanh. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức và kỹ năng cho các bên liên quan cũng rất quan trọng, nhằm đảm bảo mọi người dân và doanh nghiệp đều trở thành những bên đóng góp cho sự phát triển bền vững của đất nước.

3.4.2. Mục tiêu và áp dụng

Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xanh, Việt Nam cần xác định rõ ràng các ưu tiên chiến lược, bao gồm việc tăng cường năng lượng tái tạo, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng, và phát triển bền vững các khu công nghiệp xanh. Việc áp dụng công nghệ mới như IoT (Internet of Things) và trí tuệ nhân tạo trong quản lý và giám sát khí thải cũng góp phần quan trọng trong việc giảm thiểu mức độ ô nhiễm. Hơn nữa, việc nâng cao nhận thức và khả năng thích ứng của cộng đồng và doanh nghiệp với biến đổi khí hậu cũng là yếu tố then chốt. Các chiến dịch giáo dục môi trường và chương trình đào tạo kỹ năng xanh nên được mở rộng, nhằm khuyến khích mọi người dân và doanh nghiệp tích cực tham gia vào quá trình chuyển đổi xanh.

Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, năm 2022 đã đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc xử lý ô nhiễm môi trường tại Việt Nam. Ngành này đã

hoàn thành xử lý triệt để 372/435 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Ngoài ra, 91% số khu công nghiệp đang hoạt động đã có công trình xử lý nước thải tập trung hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường, với tổng công suất tối đa đạt khoảng 1,24 triệu m³ nước thải/ngày đêm. Ngành tài nguyên và môi trường cũng đã tập trung nghiên cứu và đề xuất các cơ chế, chính sách nhằm thu hút đầu tư và thúc đẩy việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị ô nhiễm. Đồng thời, việc xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật và hướng dẫn mô hình, công nghệ xử lý chất thải rắn thân thiện môi trường cũng được thúc đẩy. Hiện có 11 nhà máy xử lý rác thải theo mô hình đốt rác phát điện đã được triển khai ở nhiều địa phương với công suất lớn, giúp giảm thiểu việc xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp.

Ngoài ra, những thành tựu đáng kể cũng được ghi nhận trong công tác phòng, chống thiên tai, với sự chú trọng vào tính dự báo và cảnh báo chuyên nghiệp. Tỷ lệ che phủ rừng cũng tăng cao, dân số ở thành thị sử dụng nước sạch đạt 90%, và công tác bảo tồn đa dạng sinh học cũng được quan tâm. Những thành tựu này phản ánh sự nỗ lực và quyết tâm của chính phủ và các cơ quan chức năng trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Tuy nhiên, vẫn cần có sự tiếp tục và tăng cường các biện pháp để đảm bảo sự cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, đồng thời thúc đẩy sự hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

3.5. Một số giải pháp nhằm phát triển kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon ở Việt Nam

Kinh tế xanh được nhìn nhận là xu hướng tất yếu để ứng phó với những thách thức môi trường toàn cầu, đặc biệt là vấn đề biến đổi khí hậu. Việt Nam, một quốc gia đang phát triển với tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh chóng, đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức trong việc chuyển đổi sang mô hình kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon. Trong bối cảnh này, việc triển khai các giải pháp hiệu quả là cần thiết để đạt được mục tiêu phát triển bền vững. *Cụ thể:*

(1) Hoàn thiện pháp luật quy định cụ thể về khuyến khích kinh tế xanh. Hoàn thiện pháp luật quy định cụ thể về khuyến khích kinh tế xanh là hướng đi tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Kinh tế xanh không chỉ là một xu hướng phát triển bền vững mà còn là cam kết của các quốc gia trong việc đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế không tách rời với bảo vệ môi trường và xã hội. Để hiện thực hóa điều này, cần có một hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng và cụ thể, từ đó tạo động lực cho các doanh nghiệp

và tổ chức thực hiện.

Trong thời gian gần đây, một trong những nhiệm vụ quan trọng của Việt Nam là triển khai các chính sách và giải pháp nhằm chuyển đổi sang một nền kinh tế xanh hơn, giảm phát thải, và tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu. Việt Nam đã cam kết giảm phát thải ròng về mức “0” vào năm 2050. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ đã ban hành một loạt các văn bản pháp luật và chiến lược như sau: Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone. Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ban hành danh mục lĩnh vực và cơ sở phát thải khí nhà kính, cũng như phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050. Đề án về những nhiệm vụ và giải pháp triển khai kết quả của Hội nghị COP26 về biến đổi khí hậu. Kế hoạch hành động giảm phát thải khí methane đến năm 2030. Những văn bản pháp luật và chiến lược này không chỉ đề cập đến việc giảm phát thải mà còn liên quan đến việc bảo vệ tầng ozone và ứng phó với biến đổi khí hậu một cách toàn diện. Chúng thể hiện sự quyết tâm của Chính phủ Việt Nam trong việc thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ môi trường cho thế hệ tương lai.

(2) Hoàn thiện pháp luật xử phạt nghiêm minh hành vi gây ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực kinh tế xanh. Việc pháp luật đưa ra những hình phạt nghiêm khắc để xử lý các cá nhân và tổ chức gây ô nhiễm môi trường là biện pháp quan trọng để răn đe và ngăn chặn hành vi vi phạm. Nó góp phần tạo dựng một môi trường kinh doanh trong sạch, thúc đẩy sự phát triển bền vững. Hiện nay, theo quy định tại Điều 235 BLHS 2015 hoặc đã bị kết án về tội gây ONMT, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm được quy định là dấu hiệu định tội trong một số trường hợp cụ thể. Đây là điểm mới trong đường lối xử lý đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường. Với quy định này, việc xử lý các hành vi vi phạm sẽ nghiêm khắc, mang tính răn đe hơn, tránh trường hợp các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây ô nhiễm môi trường liên tục, nhiều lần nhưng lại không bị truy cứu trách nhiệm hình sự do mỗi lần vi phạm chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Bên cạnh các dấu hiệu mang tính định lượng khác, điểm e khoản 2 và khoản 3 Điều 235 BLHS 2015 còn quy định dấu hiệu “gây hậu quả nghiêm trọng” và “Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” là dấu hiệu độc lập để định khung hình phạt cho người phạm tội. Rõ ràng, để thống nhất trong nhận thức và cả thực tiễn áp dụng, đòi hỏi Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần có những hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Để thực hiện chính sách và chiến lược của Đảng

và Nhà nước về bảo vệ và phục hồi hệ sinh thái, môi trường, chúng ta đã từng bước hoàn thiện thể chế và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật liên quan. Các văn bản pháp luật này thường xuyên được ban hành, phản ánh cam kết và quyết tâm của chính phủ trong việc giải quyết các vấn đề môi trường. Ví dụ, Quyết định số 1788/QĐ-TTg, ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 và Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 07/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025 là những ví dụ điển hình. Những văn bản này xác định mục tiêu cụ thể và các biện pháp cần thực hiện để giảm thiểu ô nhiễm và quản lý chất thải. Năm 2020, Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường (Luật số 72/2020/QH14), thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Luật này quy định rõ trách nhiệm của các chủ thể trong bảo vệ môi trường, cung cấp cơ sở pháp lý vững chắc để xử lý các vi phạm môi trường. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã ban hành nhiều nghị định và quyết định như Nghị định số 54/2021/NĐ-CP, số 55/2021/NĐ-CP và số 08/2022/NĐ-CP để điều chỉnh và bổ sung các quy định về đánh giá tác động môi trường, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, cũng như hướng dẫn thực hiện các điều khoản của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

(3) Ứng dụng công nghệ xanh là một trong những giải pháp quan trọng nhất. Công nghệ xanh bao gồm việc áp dụng các phương pháp sản xuất, dịch vụ và quản lý mới, nhằm giảm thiểu tác động xấu tới môi trường và tiêu thụ ít nguồn lực hơn. Trên thực tế, Quyết định 1658/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 đã khẳng định, tăng trưởng xanh góp phần thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nhằm đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa cacbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu. Việc phát triển công nghệ xanh có vai trò quan trọng trong thực hiện tăng trưởng xanh của quốc gia.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 687/QĐ-TTg ngày 07/06/2022 phê duyệt Đề án Phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Mục tiêu cụ thể của Đề án là góp phần cụ thể hóa mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP ít nhất 15% vào năm 2030 so với năm 2014, hướng tới mục tiêu phát thải ròng về “0” vào năm 2050 (phù hợp

với cam kết của Việt Nam tại COP26) giúp nâng cao năng lực áp dụng công nghệ xanh trong các ngành công nghiệp chính giúp giảm thiểu đáng kể lượng khí thải CO₂ tại Việt Nam.

(4) Một giải pháp khác là tăng cường năng lực quản lý và bảo vệ rừng. Rừng đóng vai trò rất lớn trong việc hấp thụ CO₂, một trong những khí nhà kính chính. Việc tăng cường quản lý và bảo vệ rừng giúp Việt Nam giảm được khoảng 20% lượng khí thải CO₂ hàng năm. Bên cạnh đó, việc phục hồi và trồng mới rừng không chỉ có ích cho môi trường mà còn tạo ra việc làm và thu nhập cho cộng đồng địa phương. Phát triển giao thông công cộng và giảm thiểu ô nhiễm từ phương tiện giao thông cũng là một hướng đi quan trọng. Theo quy định tại Mục 1 Chỉ thị 05/CT-TTg năm 2022 tăng cường quản lý bảo vệ rừng, xử lý tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng trái pháp luật quy định: *“Quản lý chặt chẽ diện tích rừng, đất rừng theo đúng quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; tích hợp đầy đủ thông tin về rừng, đất rừng trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, để quản lý, bảo vệ chặt chẽ, hiệu quả đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, tránh tình trạng lợi dụng việc chuyển mục đích sử dụng rừng để phá rừng trái pháp luật”*. Có thể thấy, rừng là lá phổi xanh của Trái Đất, việc quản lý và bảo vệ rừng tốt sẽ giúp môi trường giảm lượng CO₂ đáng kể trong không khí.

(5) Đề xuất ưu đãi thuế kinh tế xanh. Các ưu đãi thuế cho kinh tế xanh nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho các công ty khi chuyển đổi sang hoạt động thân thiện môi trường, tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo và giảm phát thải carbon. Theo các nghiên cứu, việc giảm thuế cho các công ty đầu tư vào công nghệ xanh không những thúc đẩy đổi mới sáng tạo mà còn tạo ra lợi ích kinh tế lâu dài thông qua việc tiết kiệm chi phí năng lượng và nhân công, đồng thời cải thiện hình ảnh công ty trong mắt các nhà đầu tư và khách hàng.

Theo đó, trước mắt khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả chính sách giảm (2%) thuế suất thuế GTGT cho 6 tháng đầu năm 2024 như đã áp dụng năm 2023 đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% vừa được Quốc hội thông qua tại nghị quyết kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Dự kiến thực hiện giải pháp này số tiền thuế

được giảm khoảng 25 nghìn tỷ đồng. Đồng thời, tiếp tục thực hiện giảm mức thuế BVMT đối với xăng, dầu, mỡ nhờn cho năm 2024 như đã áp dụng của năm 2023 theo Nghị quyết số 42/2023/UBTVQH15 ngày 18/12/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Dự kiến thực hiện nghị quyết này sẽ giảm thu NSNN khoảng 42,5 nghìn tỷ đồng.

Ngoài ra, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 63/2023/TT-BTC ngày 16/10/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư quy định về phí, lệ phí của Bộ Tài chính nhằm khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến (có hiệu lực từ ngày 1/12/2023 và áp dụng đến hết năm 2025). Với mức giảm phí, lệ phí từ 10% đến 50%, dự kiến thực hiện chính sách này sẽ hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khoảng 100 tỷ đồng/năm. Ngoài ra, thời gian tới, tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý chính sách tài chính hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng xanh, như: tín dụng xanh, trái phiếu xanh, thị trường tín chỉ carbon...

(6) Cuối cùng, việc tăng cường hợp tác quốc tế cũng là một phân quan trọng của giải pháp. Việt Nam cần tiếp tục làm việc chặt chẽ với các đối tác quốc tế và tổ chức phi chính phủ để học hỏi kinh nghiệm, tiếp cận các công nghệ mới, và huy động nguồn lực tài chính cho các dự án kinh tế xanh. Minh chứng cho sự hợp tác này có thể thấy trong dự án “Hỗ trợ Việt Nam trong Khoảng chuyển đổi Năng lượng” do Quỹ Khí hậu Xanh (GCF) và Chính phủ Đức tài trợ, nhằm mục tiêu nâng cao năng lực của Việt Nam trong việc phát triển năng lượng tái tạo và tăng cường hiệu quả năng lượng.

Trong thời gian tới, Việt Nam có tiềm năng lớn trong việc trở thành một quốc gia đi đầu trong kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon ở khu vực Đông Nam Á. Tuy nhiên, đòi hỏi một cam kết mạnh mẽ từ phía chính phủ, doanh nghiệp và cả cộng đồng để biến các giải pháp này thành hiện thực, hướng tới một tương lai bền vững cho các thế hệ tiếp theo.

4. Kết luận

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Việt Nam đã chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế đáng kể với GDP tăng trưởng ổn định. Tuy nhiên, điều này cũng đi kèm với vấn đề tăng lượng khí thải carbon (CO_2), phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và môi trường. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã đặt mục tiêu và thực thi nhiều biện pháp nhằm phát triển kinh tế xanh, giảm thiểu sự phụ thuộc vào các nguồn tài nguyên không tái tạo và giảm lượng khí thải CO_2 .

Thực trạng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam cho thấy những nỗ lực cụ thể trong việc áp dụng công nghệ sạch, thúc đẩy năng lượng tái tạo, với mục tiêu giảm carbon hóa nền kinh tế. Đồng thời, việc theo dõi sát sao lượng khí thải carbon trong giai đoạn 2018 - 2023 đã chứng minh sự cần thiết phải có những biện pháp quyết liệt hơn trong việc kiểm soát và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường.

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon tại Việt Nam càng trở nên rõ ràng, đòi hỏi một sự chuyển đổi toàn diện và bền vững trong mọi lĩnh vực. Để hướng tới mục tiêu này, Việt Nam đã và đang trên đường triển khai một loạt giải pháp như đầu tư vào công nghệ xanh, nâng cao nhận thức cộng đồng về môi trường, cũng như tạo điều kiện cho sự phát triển của các doanh nghiệp xanh. Quá trình phát triển kinh tế xanh và giảm thiểu khí thải carbon ở Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2023 đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng từ cả chính phủ và cộng đồng. Việt Nam đã chứng kiến những tiến bộ đáng kể nhưng để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, một lộ trình dài hơi và các biện pháp quyết liệt, cụ thể hơn là cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Công Thương Việt Nam (2014). *Thông tư về quy định quy trình về điều độ hệ thống điện quốc gia*. Số 40/2014/TT-BCT.
- Bộ Công Thương Việt Nam (2021). *Báo cáo thường niên ngành năng lượng 2021*.
- Bộ Tài Nguyên và Môi Trường Việt Nam (2021). *Báo cáo quốc gia về biến đổi khí hậu*.
- Chính phủ Nước CHXHCN Việt Nam (2020). *Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng Xanh cho giai đoạn 2021 - 2030 với tầm nhìn đến năm 2050*.
- Chính phủ (2021). *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050*. Số 1658/QĐ-TTg
- Chính phủ (2022). *Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn Việt Nam*. Số 687/QĐ-TTg.
- Liên Hợp Quốc (2019). *Báo cáo Phát triển Con người. UNDP*. <https://www.un.org/en/academic-impact/75-un75-conversation-green-cities-and-economies>. Truy cập 20/23 10/3/2024.
- Liên minh Châu Âu (EU) (2020). *European Green Deal*.
- Năng Lượng và Môi Việt Nam (2022). *Dự án điện mặt trời Đa Mi*.
- Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) (2021). *Báo cáo năng lượng tái tạo 2021 của Việt Nam*.
- Quốc Hội (2020). *Luật Bảo vệ môi trường*. Số 72/2020/QH14.
- Ủy ban Liên Chính phủ về Biến đổi Khí Hậu (IPCC) (2020). *Báo cáo Đặc biệt về Tác động của Mức Tăng Nhiệt độ Toàn cầu 1.5°C*.

Legal framework for the green economy: Towards reducing carbon emissions

Vo Minh Tung

Nguyen Trai Hospital, Ho Chi Minh City, Vietnam

Abstract

During the period 2018 - 2023, Vietnam has witnessed a close correlation between economic growth, expressed through GDP, and carbon emissions (CO₂), posing many challenges and opportunities in the journey towards Sustainable Development. Although Vietnam's economy has achieved impressive growth, the question of the dark side of growth - rising CO₂ emissions - is also seriously concerned. The current state of green economic development during this period reflects Vietnam's efforts in balancing economic development and environmental protection. However, the transition to a green economic model still faces many challenges, from infrastructure, technology to people's and businesses' awareness. Carbon emissions in Vietnam during this period also recorded a significant increase, reflecting that lifestyles and development models are not truly sustainable. This further emphasizes the importance of implementing solutions to minimize environmental impacts while developing the economy in a sustainable way. The relationship between green economic development and carbon emissions shows that converting to a green economic model not only reduces emissions, but also brings long-term economic benefits through savings. energy, reducing production costs and increasing competition. To promote green economic development and reduce carbon emissions in Vietnam, a combination of solutions from government, businesses and the community is needed. Solutions include: increased use of clean energy, development of green technology, improved energy efficiency, and increased environmental awareness. This requires a strong and synchronized strategy from all stakeholders to create a green and sustainable future for Vietnam.

Keywords: Green economy, Durable, Reduce carbon emissions, Green environment, Green competition.